

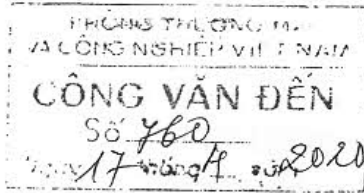
BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỔNG CỤC THỦY SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2020

Số: 693 /TCTS - NTTS
V/v trả lời kiến nghị của doanh nghiệp

Kính gửi:



- BankKHTH

20/4/2020

- Công ty TNHH Cargill Việt Nam;
- Công ty TNHH Một thành viên Provimi;
- Công ty Cổ phần EWOS Việt Nam;
- Chi nhánh Công ty TNHH Cargill Việt Nam tại Hưng Yên;
- Công ty TNHH Thương mại Agrimex Việt Nam;
- Công ty Cổ phần thương mại Ngân Hà;
- Công ty Cổ phần MB Khai Minh;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bắc Thành Sơn;
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Dịch vụ nông nghiệp Văn Sơn;
- Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Nông nghiệp Việt.

Tổng cục Thủy sản nhận được văn bản kiến nghị của 10 doanh nghiệp về việc yêu cầu bổ cập nhập thông tin thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

1. Doanh nghiệp cho rằng quy định về gửi thông tin sản phẩm trước khi lưu thông trên thị trường và cấp mã số tiếp nhận tại Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT là trái luật và tạo giấy phép con mà không mang lại giá trị quản lý, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

- Thứ nhất, quy định về tiếp nhận thông tin sản phẩm và cấp mã số tiếp nhận tại Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT không trái luật vì:

+ Tại điểm c khoản 1 Điều 31 Luật Thủy sản quy định:

"1. Thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản trước khi lưu thông trên thị trường phải đáp ứng các yêu cầu sau đây:

c) Thông tin về sản phẩm đã được gửi đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định."

+ Tại điểm đ khoản 2 Điều 31 Luật Thủy sản giao Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết về việc gửi thông tin sản phẩm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường trước khi lưu thông trên thị trường. Nội dung này được hướng dẫn tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT.

+ Tại điểm đ khoản 1 và điểm c khoản 2 Điều 37 Luật Thủy sản quy định tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu thức ăn thủy sản có nghĩa vụ gửi thông tin sản phẩm đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường.

- Thứ hai, quy định này không phải là giấy phép con vì:

Theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Thông tư số 26/2018/TT-BNNPTNT, việc gửi thông tin và cấp mã số tiếp nhận thông tin sản phẩm được thực hiện thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản (sau đây gọi tắt là phần mềm), phần mềm tự động cấp mã số tiếp nhận sản phẩm sau khi doanh nghiệp tự cập nhật thông tin sản phẩm của lên hệ thống, theo các bước sau:

+ Cơ quan nhà nước xây dựng phần mềm => Tổ chức, cá nhân lập tài khoản để đăng nhập vào hệ cơ sở dữ liệu => tổ chức cá nhân tự cập nhật các thông tin về sản phẩm lên phần mềm, Tổng cục Thủy sản không thẩm định, không thu phí => Sau khi nhận đầy đủ thông tin, phần mềm tự động cấp mã số tiếp nhận cho cơ sở để ghi trên nhãn sản phẩm phục vụ truy xuất nguồn gốc.

+ Mã số tiếp nhận chỉ cấp duy nhất một lần cho từng sản phẩm của cơ sở, không thay đổi hoặc cấp lại cho sản phẩm khác.

- Thứ ba, mục đích và giá trị quản lý của quy định:

+ Bỏ thủ tục đăng ký lưu hành sản phẩm;

+ Phục vụ công tác truy xuất nguồn gốc sản phẩm;

+ Phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra;

+ Người dân được tiếp nhận thông tin sản phẩm công khai, minh bạch.

2. Doanh nghiệp cho rằng quy định chỉ có 03 đơn vị (Cục Bảo vệ Thực vật, Cục Thú y, Tổng cục Thủy sản) thực hiện kiểm tra chất lượng dẫn đến thời gian chờ thông quan lô hàng bị kéo dài gây ách tắc và làm tăng nhiều khoản chi phí, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

- Thứ nhất, về cơ sở pháp lý thực hiện theo quy định tại:

+ Khoản 15 và khoản 16 Điều 3 và Khoản 1 Điều 45 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa: Quy định về hoạt động, cơ quan và phân công kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

+ Khoản 9 Điều 7 Nghị định 132/2008/NĐ-CP và được sửa đổi bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP: Quy định trách nhiệm của hoạt động kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm hàng hóa;

+ Khoản 1 và khoản 2 Điều 29 Nghị định số 26/2019/NĐ-CP: Quy định về Cơ quan kiểm tra, trình tự, thủ tục kiểm tra nhà nước đối với thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản nhập khẩu.

+ Phụ lục II Thông tư số 15/2018/TT-BNNPTNT ngày 29/10/2018 và Quyết định số 3346/QĐ-BNN-TCCB của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT: Phân công cơ quan kiểm tra chất lượng hàng hóa thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- *Thứ hai*, về trình tự, thủ tục: thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

Như vậy, phản ánh của doanh nghiệp là do quy định này mà dẫn đến thời gian chờ thông quan lô hàng bị kéo dài gây ách tắc và làm tăng nhiều khoản chi phí là không có cơ sở.

3. Doanh nghiệp cho rằng sản phẩm sau khi công bố hợp quy xong, có bản tiếp nhận hợp quy là được phép lưu thông để doanh nghiệp không phải chờ được cấp mã số tiếp nhận mới được lưu hành sản phẩm; bỏ việc yêu cầu cung cấp kết quả thử nghiệm chất lượng hàng hóa nếu cần chỉ yêu cầu kết quả thử nghiệm các chỉ tiêu theo quy chuẩn vì đã ban hành quy chuẩn, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

- Theo quy định tại điểm c Khoản 2 Điều 37 Luật Thủy sản: tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ gửi thông tin về sản phẩm khi nhập khẩu lần đầu đến Bộ NN&PTNT theo quy định trước khi lưu thông sản phẩm trên thị trường.

Như vậy, việc cung cấp thông tin sản phẩm *chỉ yêu cầu đối với sản phẩm nhập khẩu lần đầu*, không yêu cầu cung cấp thông tin các lô tiếp theo nên việc cấp mã số không ảnh hưởng đến việc lưu hành của các lô sản phẩm tiếp theo của doanh nghiệp. Mặt khác, hoạt động cung cấp thông tin sản phẩm và cấp mã số tiếp nhận chỉ yêu cầu trước khi sản phẩm đưa ra thi trường (*sản phẩm đã thông quan và đưa hàng về kho của doanh nghiệp*), không yêu cầu trước hoặc hoặc trong quá trình nhập khẩu.

- Theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 Thông tư 26/2018/TT-BNNPTNT: nội dung cung cấp thông tin là “Kết quả kiểm tra chất lượng khi nhập khẩu”, không yêu cầu kết quả thử nghiệm. Kết quả thử nghiệm của sản phẩm chỉ yêu cầu đối với sản phẩm sản xuất trong nước.

4. Doanh nghiệp cho rằng một sản phẩm của một nhà sản xuất nhưng nhiều nhà nhập khẩu nhập về để bán thì đều phải gửi thông tin và được cấp Mã số tiếp nhận, dẫn đến một sản phẩm nhưng có nhiều Mã số tiếp nhận, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

- *Thứ nhất*, theo quy định tại Điều 12 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa; khoản 2 Điều 57 Luật Thủy sản thì *tổ chức, cá nhân nhập khẩu sản phẩm phải:*

+ Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm và ghi nhãn hàng hoá theo quy định của pháp luật đối với hàng hoá do mình nhập khẩu;

+ Tổ chức và kiểm soát quá trình vận chuyển, lưu giữ, bảo quản để duy trì chất lượng hàng hoá, bồi thường thiệt hại, xử lý vi phạm...

- *Thứ hai*, quy định mỗi nhà nhập khẩu sản phẩm phải gửi thông tin sản phẩm và được cấp mã số tiếp nhận sản phẩm để:

+ Thực hiện truy xuất nguồn gốc sản phẩm khi sử dụng trong nuôi trồng thủy sản.

+ Phục vụ việc quản lý, thanh tra kiểm tra và thực hiện xử lý sản phẩm nếu sản phẩm bị phát hiện có vấn đề về chất lượng trong quá trình lưu thông trên thị trường (*trách nhiệm thu hồi sản phẩm, chấp hành xử phạt vi phạm hành chính, bồi thường thiệt hại...*).

+ Tạo sự cạnh tranh, nâng cao trách nhiệm của nhà nhập khẩu đối với sản phẩm nhập khẩu.

5. Doanh nghiệp kiến nghị bỏ quy định bản màu nhãn sản phẩm để đáp ứng thị hiếu hoặc tạo ấn tượng về sản phẩm, màu sắc có thể được thay đổi theo nhu cầu, xu hướng của thị trường, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

Màu sắc trên nhãn hàng hoá là do doanh nghiệp quyết định, không phải là nội dung bắt buộc. Tuy nhiên, nội dung ghi trên nhãn phải đáp ứng quy định của pháp luật về nhãn hàng hoá, các thông tin khác ghi thêm trên nhãn phải đảm bảo không gây hiểu sai về sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm.

6. Về hoạt động tiếp nhận thông tin sản phẩm của các doanh nghiệp có tên trong đơn kiến nghị, Tổng cục Thủy sản có ý kiến như sau:

- Tổng cục Thủy sản đã tiếp nhận và cấp mã số sản phẩm cho các Doanh nghiệp ký tên trong đơn kiến nghị như: Công ty TNHH Cargill Việt Nam (66 mã số sản phẩm); Công ty TNHH Một thành viên Provimi (23 sản phẩm); Công ty Cổ phần EWOS Việt Nam (20 sản phẩm); Công ty Cổ phần thương mại Ngân Hà (07 sản phẩm). Trong đó, 01 sản phẩm sản xuất trong nước của Công ty TNHH Cargill Việt Nam chưa được cấp mã số tiếp nhận, lý do: Công ty chưa cung cấp thông tin về kết quả thử nghiệm chất lượng. Nội dung Tổng cục Thủy sản đã hướng dẫn và Công ty đang bổ sung để được cung cấp mã số tiếp nhận theo quy định.

- Đối với các Công ty: Công ty Cổ phần MB Khai Minh; Công ty Trách nhiệm hữu hạn Bắc Thành Sơn; Công ty TNHH Thương mại Agrimex Việt Nam; Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Nông nghiệp Việt. Mặc dù có tên trong văn bản kiến nghị, tuy nhiên các Công ty này chưa cung cấp thông tin sản phẩm về Tổng cục Thủy sản.

Tổng cục Thủy sản thông báo để các công ty biết, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Xuân Cường (để b/c);
- Thứ trưởng Phùng Đức Tiến (để b/c);
- Vụ Pháp chế (để biết);
- VCCI (để biết);
- Lưu VT, NTTS.

TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Đình Luân